UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

Số: 1088 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2018

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAM LÂM
ĐẾN Số: 1946
Ngày: ...
Chuyển: ...
16/11/18

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm, các Phòng khám đa khoa khu vực và các Trạm Y tế xã/thị trấn trực thuộc

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ KHÁNH HÒA

Căn cứ Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Tờ trình số 645/TTr-YTCL ngày 19/7/2018 và Tờ trình số 714/TTr-YTCL ngày 29/8/2018 của Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm về việc xin phê duyệt danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh vượt tuyến và thuộc tuyến thực hiện tại Trung tâm Y tế Cam Lâm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm, các Phòng khám đa khoa khu vực và các Trạm Y tế xã/thị trấn trực thuộc theo các danh mục như sau:

Tên đơn vị	Phê duyệt DMKT Tuyến Tỉnh	Phê duyệt DMKT Tuyến huyện	Phê duyệt DMKT Tuyến xã
Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm	40	371	
PKĐKKV Cam An Nam		23	
PKĐKKV Suối Tân		10	17

Trạm Y tế xã Cam An Bắc			20
Trạm Y tế xã Cam Hải Đông		20	19
Trạm Y tế xã Cam Hải Tây			12
Trạm Y tế xã Cam Hiệp Bắc		20	18
Trạm Y tế xã Cam Hiệp Nam		1	18
Trạm Y tế xã Cam Hòa		35	19
Trạm Y tế xã Cam Phước Tây		21	18
Trạm Y tế xã Cam Tân		7	16
Trạm Y tế xã Cam Thành Bắc		19	19
Trạm Y tế xã Sơn Tân			19
Trạm Y tế xã Suối Cát		21	24
Trạm Y tế xã Suối Tân		20	18
Trạm Y tế thị trấn Cam Đức			18

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- BHXH Cam Lâm;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, NVY(8b).

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH KHÁNH HÒA

Lê Tấn Phùng

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2018

DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAM LÂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1088 /QĐ-SYT ngày 12 / 11/2018 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm, các Phòng khám đa khoa khu vực và các Trạm Y tế xã/thị trấn trực thuộc)

II. NỘI KHOA

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		C. THẦN KINH	
1.	156	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	x

III. NHI KHOA

(Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP	
		B. TAI - MŨI - HỌNG	
2.	992	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Mecroceo (1 bên)	x
3.	993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Mecroceo (1 bên)	x
4.	994	Nội soi cầm máu mũi	x
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG	
5.	1061	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	x
	TT43	**XI. TAI MŨI HỌNG**	
		A.TAI	
6.	2104	Vá nhĩ đơn thuần	x
7.	2121	Chích rạch màng nhĩ	x
	TT43	**XIX. NGOẠI KHOA**	
		E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH	
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)	
8.	3803	Nối gân gấp	x
	TT43	**XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI**	
		B. TAI - MŨI - HỌNG	
9.	3960	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x
10.	3961	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	x

11.	3962	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần	x
12.	3964	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ	x

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		A. CÁC KỸ THUẬT	
		B. GÂY MÊ	
13.	277	Gây mê phẫu thật bóc nhân xơ tử cung	x
14.	278	Gây mê phẫu thật bóc nhân xơ vú	x
15.	527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x
		C. HỒI SỨC	
16.	1844	Hồi sức phẫu thuật cắt Polyp mũi	x
		D. GÂY TÊ	
17.	3650	Gây tê phẫu thuật đóng lỗ mở bàng quang ra da	x

X. NGOẠI KHOA

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		D. TIÊU HÓA	
		7. Tầng sinh môn	
18.	552	Phẫu thuật Longo	x
19.	553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH	
		16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác	
20.	983	Phẫu thuật vết thương khớp	x
		17. Nắn- Bó bột	
21.	1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x
22.	1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x
23.	1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x
24.	1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	x
25.	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x
26.	1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x
27.	1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x
28.	1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x
29.	1032	Nẹp bột các loại, không nắn	x

XV. TAI - MŨI - HỌNG

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		C. HỌNG - THANH QUẢN	
30.	155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	
31.	158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo V.A (gây mê)	

XXIII. HÓA SINH

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		A. MÁU	
32.	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x
33.	24	Định lượng ßHCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	x
34.	68	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	x
35.	69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	x
36.	147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine)	x
37.	148	Định lượng T4 (Thyoxine)	x
38.	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x

XXIV. VI SINH

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN TỈNH
		A. VI KHUẨN	
		6. Các vi khuẩn khác	
39.	100	Treponema pallidum TPHA định tính và định lượng	x
		B. VIRUS	
		2. Hepatitis virus	
40.	138	HBV ccc DNA	x

Tổng cộng: 40 kỹ thuật

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH KHÁNH HÒA

Lê Tấn Phùng

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 11 năm 2018

DANH MỤC KỸ THUẬT KHÁM CHỮA BỆNH BỔ SUNG THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAM LÂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1088 /QĐ-SYT ngày 12 /11/2018 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám chữa bệnh thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm, các Phòng khám đa khoa khu vực và các Trạm Y tế xã/thị trấn trực thuộc)

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TT21	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		I. HÔ HẤP	
1.	305	Chăm sóc bệnh nhân thở máy	x
2.	309	Vệ sinh khử khuẩn máy thở	x
	TT21	**K. TIM MẠCH**	
3.	317	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x
4.	318	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x
5.	319	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	x
6.	320	Rút catheter tĩnh mạch trung tâm	x
7.	323	Chăm sóc catheter tĩnh mạch trung tâm	x
	TT21	**O. TIÊU HÓA**	
8.	356	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	x
9.	357	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x
	TT21	**P. CHỐNG ĐỘC**	
10.	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x
11.	363	Điều trị giảm nồng độ canxi máu	x
12.	364	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	x
13.	366	Điều trị ngộ độc cấp ma túy nhóm opi	x

II. NỘI KHOA

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN

			HUYỆN
		A. HÔ HẤP	
14.	11	Chọc hút khí màng phổi	x
15.	24	Đo chức năng hô hấp	x
16.	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x
17.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x
		B. TIM MẠCH	
18.	121	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	x
		C. THẦN KINH	
		D. THẬN TIẾT NIỆU	
19.	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x
		Đ. TIÊU HÓA	
20.	272	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H. pylori	x
21.	325	Siêu ân can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	x
	TT21	**I. THẦN KINH**	
22.	479	Nghiệm pháp đánh giá rối loạn nuốt tại giường cho người bệnh tai biến mạch máu não	x
	TT43	**III. Y HỌC CỔ TRUYỀN**	
		B. ĐIỆN MÃNG CHÂM	
23.	302	Điện mãng châm điều trị bại não	x
24.	303	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x
25.	305	Điện mãng châm điều trị động kinh cục bộ	x
26.	306	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	x
27.	307	Điện mãng châm điều trị đau đầu	x
28.	308	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	x
29.	309	Điện mãng châm điều trị stress	x
30.	310	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	x
31.	311	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	x
32.	312	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	x
33.	315	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
34.	317	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x
35.	328	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	x
36.	335	Điện mãng châm điều trị chứng tic	x
37.	336	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta	x

38.	337	Điện mãng châm điều trị cơn đau quặn thận	x
39.	338	Điện mãng châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa	x
40.	339	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x
41.	340	Điện mãng châm điều trị chứng táo bón	x
42.	341	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x
43.	342	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x
44.	343	Điện móng châm điều trị bí đái	x
45.	344	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x
46.	348	Điện mãng châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x
47.	349	Điện mãng châm điều trị giảm đau do ung thư	x
48.	350	Điện mãng châm điều trị đau răng	x
		Đ. ĐIỆN CHÂM	
49.	469	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	x
50.	470	Điện châm điều trị chứng ù tai	x
51.	471	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x
52.	472	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	x
53.	479	Điện châm điều trị mất ngủ	x
54.	480	Điện châm điều trị stress	x
55.	487	Điện châm điều trị bệnh hố mắt	x
56.	488	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x
57.	489	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
58.	492	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x
59.	493	Điện châm điều trị giảm thính lực	x
60.	494	Điện châm điều trị thất ngôn	x
61.	497	Điện châm điều trị nôn nấc	x
62.	498	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x
63.	501	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	x
64.	503	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hoá	x
65.	505	Điện châm điều trị đái dầm	x
66.	506	Điện châm điều trị bí đái	x
67.	507	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x
68.	508	Điện châm điều trị cảm cúm	x
69.	514	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x
70.	515	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x

71.	516	Điện châm điều trị đau răng	x
72.	523	Điện châm điều trị đau ngực sườn	x
73.	524	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	x
		G. XOA BÓP BẤM HUYỆT	
74.	612	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	x
75.	615	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	x
76.	621	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x
77.	622	Xoa búp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x
78.	625	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x
79.	626	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	x
80.	632	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
81.	633	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	x
82.	634	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	x
83.	635	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	x
84.	652	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	x
85.	653	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	x
86.	656	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	x
87.	657	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x
88.	658	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x
89.	665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x
90.	666	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	x
91.	667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	x
92.	668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	x
93.	670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	x
		H. CỨU	
94.	671	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x
95.	672	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	x
96.	674	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	x
97.	675	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x
98.	676	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x
99.	677	Cứu điều trị liệt thể hàn	x
100.	678	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x
101.	679	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x
102.	680	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x

103.	681	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	x
104.	682	Cứu điều trị bại não thể hàn	x
105.	684	Cứu điều trị ù tai thể hàn	x
106.	685	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x
107.	687	Cứu điều trị hỗ trợ cai nghiện ma tuý thể hàn	x
108.	688	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x
109.	689	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x
110.	690	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	x
111.	691	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	x
112.	692	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x
113.	693	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x
114.	694	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x
115.	695	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x
116.	696	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x
	TT43	**IX. MẮT**	
117.	1659	Cắt bỏ chắp có bọc	x
118.	1660	Khâu cò mi, tháo cò	x
119.	1666	Khâu phủ kết mạc	x
120.	1667	Khâu giác mạc	x
121.	1668	Khâu củng mạc	x
122.	1669	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	x
123.	1670	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	x
124.	1685	Bơm thông lệ đạo	x
125.	1691	Đốt lông xiêu	x
126.	1692	Bơm rửa lệ đạo	x
127.	1700	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x
128.	1702	Soi góc tiền phòng	x
	TT43	**X. RĂNG HÀM MẶT**	
		A. RĂNG	
129.	1922	Điều trị sâu răng ngà phục hồi bằng GlassInomer Cement (GIC)	x
130.	1924	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x
131.	1937	Trám bít hố rãnh với GlassInomer Cement (GIC) hóa trùng hợp	x
132.	1939	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	x

133.	1951	Điều trị sâu răng sữa ngà phục hồi bằng Amalgam	x
134.	1952	Điều trị sâu răng sữa ngà phục hồi bằng Composite	x
135.	1953	Trám bít hố rãnh bằng GlassInomer Cement (GIC)	x
136.	1954	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassInomer Cement (GIC)	x
137.	1967	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x
138.	1970	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	x
139.	1971	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam	x
140.	1972	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassInomer Cement (GIC)	x
	TT43	**XIII. NỘI KHOA**	
		G. TRUYỀN NHIỄM	
141.	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	x
	TT43	**XIX. NGOẠI KHOA**	
142.		**Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC**	
		1. Thận	
143.	3488	Dẫn lưu thận	x
144.	3489	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x
		E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH	
		3. Cánh, cẳng tay	
145.	3684	Phẫu thuật gãy lồi cầu xương cánh tay	x
146.	3685	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết dẫn lưu	x
147.	3686	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	x
148.	3687	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay: đục, mổ, nạo, dẫn lưu	x
149.	3688	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	x
150.	3689	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	x
151.	3690	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	x
		6. Khớp gối	
152.	3754	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	x
		10. Nắn - Bó bột	
153.	3848	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x
154.	3857	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x
155.	3868	Nắn, bó bột gãy Dupuytre	x
		11. Các kỹ thuật khác	

156.	3905	Rút chỉ thép xương ức	x
	TT21	**K. DỊ ỨNG - MIỄN DỊCH LÂM SÀNG**	
157.	4198	Test dưới da với thuốc	x
158.	4214	Hướng dẫn sử dụng bình xịt định liều	x
	TT21	**XXVIII. NGOẠI KHOA**	
159.	4246	Tháo bột các loại	x

VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		C. ĐIỆN MÃNG CHÂM	
160.	114	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x
161.	116	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x
162.	117	Điện mãng châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	x
163.	119	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	x
164.	121	Điện mãng châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	x
165.	122	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	x
166.	123	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	x
167.	125	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x
168.	126	Điện mãng châm điều trị đái dầm	x
169.	128	Điện mãng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x
170.	129	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	x
171.	130	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	x
172.	133	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x
173.	134	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	x
174.	135	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x
175.	136	Điện mãng châm điều trị thất vận ngôn	x
176.	137	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	x
177.	138	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x
178.	139	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	x
179.	140	Điện mãng châm điều trị khàn tiếng	x
180.	143	Điện mãng châm điều trị đau hố mắt	x
181.	146	Điện mãng châm điều trị	x

182.	147	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện ma túy	x
183.	148	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x
184.	149	Điện mãng châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x
185.	154	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	x
186.	155	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x
187.	156	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	x
188.	157	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x
189.	160	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x
190.	161	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	x
		E. ĐIỆN CHÂM	
191.	282	Điện châm điều trị cảm mạo	x
192.	285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x
193.	286	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em	x
194.	287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x
195.	288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
196.	289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x
197.	290	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	x
198.	291	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x
199.	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x
200.	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x
201.	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x
202.	299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x
203.	303	Điện châm điều trị đau hố mắt	x
204.	304	Điện châm điều trị viêm kết mạc	x
205.	306	Điện châm điều trị lác cơ năng	x
206.	308	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x
207.	309	Điện châm hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x
208.	310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x
209.	312	Điện châm điều trị đau răng	x
210.	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x
211.	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x
212.	318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x
213.	321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x
		H. XOA BÓP BẤM HUYỆT	

214.	393	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	x
215.	394	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
216.	395	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x
217.	398	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	x
218.	399	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x
219.	402	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	x
220.	403	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện rượu	x
221.	404	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện thuốc lá	x
222.	405	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị nghiện ma tuý	x
223.	406	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	x
224.	407	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	x
225.	409	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	x
226.	410	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	x
227.	416	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x
228.	421	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	x
229.	422	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	x
230.	423	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x
231.	426	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x
232.	427	Xoa búp bấm huyệt điều trị nấc	x
233.	435	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	x
234.	436	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	x
235.	437	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	x
236.	438	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x
237.	439	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	x
238.	440	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá	x
		I. CỨU	
239.	451	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	x
240.	452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x
241.	453	Cứu điều trị nấc thể hàn	x
242.	454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x
243.	455	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	x
244.	456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x
245.	457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x

246.	458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x
247.	459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x
248.	460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x
249.	461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x
250.	462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x
251.	463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x
252.	464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x
253.	465	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x
254.	466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x
255.	467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x
256.	468	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x
257.	469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x
258.	470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x
259.	471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x
260.	472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x
261.	473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x
262.	474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x
263.	475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x
264.	476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x
265.	477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x
266.	478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	x
		K. GIÁC HƠI	
267.	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x
268.	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x
269.	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x
270.	482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		B. GÂY MÊ	
271.	427	Gây mê phẫu thuật cắt rộng tổ chức áp xe vú	x
272.	496	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x
273.	501	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x

274.	503	Gây mê phẫu thuật cắt tử cung	x
275.	505	Gây mê phẫu thuật cắt túi mật	x
276.	866	Gây mê phẫu thuật ghép lại mãnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x
277.	892	Gây mê phẫu thuật hạch ngoại biên	x
278.	1617	Gây mê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x
		C. HỒI SỨC	
279.	1727	Hồi sức phẫu thuật cắt âm hộ đơn thuần	x
280.	1751	Hồi sức phẫu thuật cắt chắp có bọc	x
281.	1844	hồi sức phẫu thuật cắt polyp mũi	x
282.	1914	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung buồng trứng, u buồng trứng, phần phụ	x
283.	1919	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung hoàn toàn vì u xơ tử cung	x
284.	1921	Hồi sức phẫu thuật cắt tử cung	x
285.	1923	Hồi sức phẫu thuật cắt túi mật	x
286.	2096	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu túi mật	x
287.	2284	Hồi sức phẫu thuật ghép lại mãnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	
288.	2532	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x
		D. GÂY TÊ	
289.	4453	Gây tê rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x
		Đ. AN THẦN	
290.	4760	An thần rút sonde JJ do nơi khác đặt hoặc thay sonde JJ tại khoa	x

X. NGOẠI KHOA

	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		1. Thận	
291.	318	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x
292.	319	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x
293.	353	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x
294.	354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x
295.	355	Lấy sỏi bàng quang	x
296.	357	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x
297.	371	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	x
		5. Sinh dục	

298.	408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x
		D. TIÊU HÓA	
		4. Ruột non- Mạc treo	
299.	491	Gỡ dính sau mổ lại	x
		5. Ruột thừa- Đại tràng	
300.	511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	x
301.	525	Làm hậu môn nhân tạo	x
302.	526	Lấy dị vật trực tràng	x
		7. Tầng sinh môn	
303.	550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ trợ giúp	x
304.	561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	x
305.	566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	x
306.	567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x
307.	569	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	x
308.	573	Các phẫu thuật hậu môn khác	x
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC	
		1. Thành bụng - cơ hoành	
309.	679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Basini	x
310.	682	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x
311.	688	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	x
		G. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH	
		3. vùng cẳng tay	
312.	734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x

XI. BỎNG

	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		A. ĐIỀU TRỊ BỎNG	
		1. Thay băng bỏng	
313.	11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bỏng sâu	x
314.	12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x
315.	13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bỏng nông	x
		2. phẫu thuật, thủ thuật điều trị bỏng	
316.	25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x
		3. Các kỹ thuật khác	

317.	87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG	
318.	102	Khám di chứng bỏng	x
319.	103	Cắt sẹo khâu kín	x
		C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH	
320.	116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x
	TT21	**Đ. ĐIỀU TRỊ BỎNG**	
321.	138	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do cóng lạnh	x
322.	139	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do kiềm và các hóa chất khác	x
323.	140	Sơ cấp cứu bệnh nhân bỏng do tia xạ	x
	TT21	**G. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH**	
324.	178	Kỹ thuật bơm rửa liên tục trong điều trị vết thương mạn tính phức tạp	x
325.	179	Kỹ thuật đặt dẫn lưu dự phòng nhiễm khuẩn tại chỗ vết thương mạn tính	x
326.	180	Kỹ thuật sử dụng băng chun băng ép trong điều trị vết loét do giãn tĩnh mạch chi dưới	x

XII. UNG BƯỚU

	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		A. ĐẦU-CỔ	
327.	10	Cắt các u lành vùng cổ	x
		C. HÀM - MẶT	
		I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC	
328.	265	Cắt u lành dương vật (ngoài da)	x
		K. VÚ – PHỤ KHOA	
329.	285	Phẫu thuật mở bụng	x
		L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP	
330.	313	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x
331.	323	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	x

XIII. PHỤ SẢN

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		E. PHÁ THAI	
332.	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết tuần 12 bằng phương pháp hút chân không	x

XIV. MẮT

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
333.	82	Sinh thiết tổ chức kết mạc	x
334.	83	Cắt u da mi không ghép	x
335.	166	Lấy dị vật giác mạc sâu	x
336.	167	Cắt bỏ chắp có bọc	x
337.	168	Khâu cò mi, tháo cò	x
338.	169	Chích dẫn lưu túi lệ	x
339.	171	khâu da mi đơn giản	x
340.	172	Khâu phục hồi bờ mi	x
341.	174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x
342.	192	Cắt chỉ khâu giác mạc	x
343.	216	Rạch áp xe túi lệ	x
	TT21	**1. Nội khoa**	
344.	288	Test lẩy bì	x
345.	289	Test nội bì	x
346.	290	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	x
347.	291	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	x

XV. TAI - MŨI - HỌNG

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		A. TAI-TAI THẦN KINH	
348.	34	Vá nhĩ đơn thuần	x
349.	35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	x
		B. MŨI-XOANG	
350.	81	Phẫu thuật nội soi cắt Polyp mũi	x
351.	113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x
352.	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x

XVI. RĂNG - HÀM - MẶT

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		B. RĂNG	
353.	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN

		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)	
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy	
354.	79	Chụp Xquang Stenvers	x
355.	82	Chụp Xquang răng cách căn (Bite Wing)	x
356.	84	Chụp Xquang phim căn (Occlusal)	x
	TT21		
357.	703	Siêu âm tại giường	x

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		E. MẮT	
358.	79	Nghiệp pháp phát hiện Glocom	x
359.	80	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm	x
360.	81	Đo thị trường chu biên	x
361.	83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x
362.	89	Đo độ sâu tiền phòng	x
363.	90	Đo đường kính giác mạc	x

XXIII. HÓA SINH

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		A. MÁU	
364.	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x
365.	83	Định lượng HbA1c	x
366.	234	Đường máu mao mạch	x

XXIV. VI SINH

STT	TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	TUYẾN HUYỆN
		A. VI KHUẨN	
		6. các vi khuẩn khác	
367.	60	Chlamydia test nhanh	x
		B. VIRUS	
		2. Hepatitis virus	
368.	122	HBsAb test nhanh	x
369.	134	HBeAb miễn dịch bán tự động	x
		7. Các virus khác	
370.	254	Rubella virus Ab test nhanh	x

	TT21		
371.	356	Ký sinh trùng test nhanh	x

Tổng cộng: 371 kỹ thuật Mười một

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH KHÁNH HÒA

Lê Tấn Phùng